

## NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG LỖI MẮT TRÊN BỆNH NHÂN BASEDOW

LÊ ĐỨC HẠNH - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng tổn thương lồi mắt trên bệnh nhân Basedow. **Đối tượng:** Nghiên cứu đo độ lồi nhãn cầu trên 194 bệnh nhân bệnh basedow được lựa chọn ngẫu nhiên tại bệnh viện Nội tiết trung ương.

**Phương pháp:** mô tả cắt ngang.

**Kết quả:** 129 bệnh nhân có triệu chứng lồi mắt (độ lồi >18mm) chiếm (66,5%). Trong nhóm có triệu chứng lồi mắt, nữ giới chiếm (81,4%) gặp nhiều hơn nam giới (18,6%) với  $p < 0,001$ ; 115 bệnh nhân (89%) có lồi cả hai mắt, bệnh nhân lồi mắt mức độ nhẹ (18-20mm) là chủ yếu chiếm (64,3%); lồi mắt nặng - lồi mắt ác tính (>22mm) ít gặp chiếm (1,6%).

**Từ khóa:** lồi nhãn cầu, lồi mắt.

### SUMMARY

**Purpose.** The aim of this study was to present values of exophthalmometry in patients with Basedow's disease.

**Subject.** Ocular protrusion values (mm) in 194 randomly selected patients in National Endocrine Hospital from 02/2009 to 05/2009 using the Hertel exophthalmometer by the same physician.

**Methods.** Observation.

**Result.** A total of 194 (66.5%) Basedow's disease patients with the value of exophthalmos ( $\geq 18$ mm). The study showed that women (81.4%) have a higher

range of protrusion than men (18.6%) and both eyes' protrusion were 115 patients (89%). Among Basedow's disease patients with exophthalmos (64.3%) were mild degrees (proptosis 18-20mm) and only 2 (1.6%) were severe (proptosis > 22 mm).

**Keywords:** Exophthalmos, protrusion, proptosis.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Ghi nhận đầu tiên ở bệnh nhân Basedow có biểu hiện lồi mắt là Charles de Saint Yves (1772). Năm 1843, Robert G. đã có mô tả bệnh lý liên quan giữa tuyến giáp và tổn thương mắt [2], [4], [5].

Lồi mắt là hình ảnh lâm sàng đặc trưng của bệnh mắt Basedow. Đây là một triệu chứng hay gặp và được chú ý nhiều nhất từ trước tới nay trên những bệnh nhân bị bệnh Basedow. Lồi mắt là một triệu chứng có giá trị trong chẩn đoán xác định và chẩn đoán mức độ bệnh mắt Basedow [2][3].

Lồi mắt là tổn thương có thể gây hở mi, viêm loét giác mạc dẫn tới mù lòa cho người bệnh. Trên thế giới và trong nước đã có những nghiên cứu để đưa ra đặc điểm lâm sàng của triệu chứng lồi mắt của bệnh mắt liên quan tuyến giáp – bệnh mắt Basedow. Tuy vậy, vẫn còn tương đối ít những nghiên cứu của các nhà nhãn khoa [2][3]. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này với mục tiêu: Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng tổn thương lồi mắt trên bệnh nhân Basedow

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các bệnh nhân đã được chẩn đoán xác định Basedow và được nhận điều trị tại bệnh viện Nội tiết Trung ương trong thời gian nghiên cứu (từ tháng 02/2009 - 05/2009); mắc bệnh lần đầu hoặc tái phát; đã được điều trị hoặc chưa được điều trị về nội tiết; ở tất cả các giai đoạn của chức năng giáp; điều trị nội trú hoặc ngoại trú có bệnh án; không phân biệt nam nữ, vùng miền. Loại trừ những trường hợp: các bệnh mắt khác gây lồi mắt, bệnh nhân không hợp tác nghiên cứu.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

**Phương tiện nghiên cứu:** Thước đo độ lồi Hertel.

**Phương pháp:** Từ giá trị đo được của độ lồi, chúng tôi xác định mắt bình thường và lồi mắt theo Wiersinga W. M. [7]; người châu Á, độ lồi mắt  $\geq 18$ mm được coi là bất thường. Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả cắt ngang. Xử lý số liệu theo thuật toán thống kê y học bằng phần mềm Epi - info 6.04.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1. Tỷ lệ lồi mắt (độ lồi  $\geq 18$ ) ở bệnh nhân Basedow

Tổn thương	Số BN	Tỷ lệ
Lồi mắt $\geq 18$ mm	129	66.5%
Độ lồi bình thường (<18mm)	65	33.5%
Tổng	194	100%

Kết quả nghiên cứu qua bảng này cho thấy trong nhóm bệnh nhân Basedow, số bệnh nhân bị lồi mắt (độ lồi  $> 18$ mm) là chủ yếu với 66,5% trong 129 bệnh nhân. Tỷ lệ này cũng nằm trong số tỷ lệ nghiên cứu 22 - 80% của nhiều tác giả khác.

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Đàm và Hoàng Trung Vinh cho thấy: số bệnh nhân có lồi mắt chiếm 30% bệnh nhân Basedow [2]. Trần Hữu Dàng và cộng sự nghiên cứu ở những bệnh nhân mắc bệnh Basedow  $> 2$  năm cho kết quả tỷ lệ lồi mắt ở bệnh nhân Basedow là 80% [1]. Theo chúng tôi, sự khác biệt về tỉ lệ lồi mắt của các nghiên cứu là do việc chọn cỡ mẫu nghiên cứu và tiêu chuẩn chọn độ lồi khác nhau.

Bảng 2. Đặc điểm về giới ở nhóm bệnh nhân Basedow có lồi mắt

Giới	Số bệnh nhân	Tỷ lệ %
Nam	24	18,6%
Nữ	105	81,4%
Tổng số	129	100 %

Trong số 129 bệnh nhân mắc lồi mắt có tỷ lệ bệnh nhân nữ là chủ yếu (81,4%). Tỷ lệ mắc lồi mắt ở nữ giới cao hơn hẳn nam giới với  $p < 0,001$ . Tỷ lệ nữ/nam = 4,37.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự kết quả nghiên cứu của Nguyễn Chiến Thắng [3] cho kết quả trong nhóm bệnh nhân mắc bệnh mắt basedow (42 bệnh nhân) tỷ lệ nữ/nam = 4,25.

Bảng 3. Phân loại mức độ lồi mắt.

Độ lồi	18 - 20 mm (Nhẹ)	20 < - 22mm (Trung bình)	> 22mm (Nặng)	Tổng
Nam	13 (54,2%) (15,7%)	11 (45,8%) (25%)	0 (0%)	24 (100%) (18,6%)
Nữ	70 (66,7%) (84,3%)	33 (31,4%) (75%)	2 (1,9%) (100%)	105 (100%) (81,4%)
Tổng	83 (64,3%) (100%)	44 (34,1%) (100%)	2 (1,6%) (100%)	129 (100%) (100%)

Số bệnh nhân lồi mắt mức độ nhẹ chiếm tỷ lệ cao nhất (83 bệnh nhân với 64,3%) trong tổng số 129 bệnh nhân được xác định có lồi mắt. Có 2 bệnh nhân lồi mắt mức độ nặng ( $> 22$ mm) chiếm 1,6% tương đương kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Đàm và Hoàng Trung Vinh với tỷ lệ bệnh nhân lồi mắt 18 - 19mm chiếm 61%, lồi mắt  $> 22$ mm chỉ có 2% [2].

Lồi mắt ở mức độ nhẹ chiếm đa số rất có thể là do có sự chăm sóc, theo dõi điều trị ở các cơ sở nhãn khoa cho những bệnh nhân có bệnh mắt Basedow nặng nên trong nhóm bệnh nhân nghiên cứu của chúng tôi đã không gặp nhiều bệnh nhân lồi mắt nặng.

Bảng 4. Đặc điểm lồi mắt liên quan theo vị trí tổn thương

Giới	Nam	Nữ	Tổng
Vị trí			
MF	1 (14,3%) (4,2%)	6 (85,7%) (5,7%)	7 (100%) (5,5%)
MT	1 (14,3%) (4,2%)	6 (85,7%) (5,7%)	7 (100%) (5,5%)
2 mắt	22 (19,1%) (91,6%)	93 (80,9%) (88,6%)	115 (100%) (89 %)
Tổng số	24 (18,6%) (100%)	105 (81,4%) (100%)	129 (100%) (100%)

Trong số 129 bệnh nhân được xác định có lồi mắt, chủ yếu là bệnh nhân lồi cả hai mắt (89%).

Kết quả của chúng tôi cũng phù hợp với một số nghiên cứu cho đánh giá chung về tổn thương lồi mắt như: thường tổn thương xảy ra ở cả hai bên mắt, có khoảng 10% số bệnh nhân bệnh mắt Basedow chỉ biểu hiện tổn thương ở một bên [4][5].

### KẾT LUẬN

**Qua nghiên cứu, một số đặc điểm lâm sàng lồi mắt ở bệnh nhân mắc bệnh mắt Basedow thể hiện như sau:**

66,5% trong số bệnh nhân mắc bệnh mắt Basedow có triệu chứng lồi mắt.

Bệnh nhân nữ giới gặp nhiều hơn nam giới (81,4%).

Đa số bệnh nhân có lồi cả hai mắt (89%).

Chủ yếu gặp bệnh nhân lồi mắt ở mức độ nhẹ (18-20mm) với 64,3%. Lồi mắt nặng-ác tính ( $> 22$ mm) là biểu hiện ít gặp (1,6%).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Hữu Dàng và cộng sự (1999), "Nghiên cứu độ lồi của mắt trên bệnh nhân Basedow bằng thước đo Hertel". *Kỷ yếu toàn văn các đề tài khoa học. Đại hội Nội tiết - Đại thảo đường Việt Nam lần thứ nhất*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, tr. 68 - 73.
- Nguyễn Văn Đàm, Hoàng Trung Vinh (2000), "Đặc điểm lâm sàng và kết quả bước đầu điều trị nội khoa bệnh lý mắt do Basedow". *Công trình nghiên cứu Y học quân sự, Học viện Quân Y*, 2, tr. 56 - 65.
- Nguyễn Chiến Thắng (2005), *Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả bước đầu điều trị ngoại khoa bệnh mắt Basedow*. Luận văn Thạc sĩ y học, Học viện Quân y.
- Noh I. V., Hamada N. et al (2000), "Thyroid stimulating antibody in related to Graves s ophthalmopathy, but thyrotropin - binding inhibitor immunoglobulin is related to hyperthyroidism in patient with Graves s disease". *Thyroid J.*, 3 (2- 4), pp. 44 - 49.
- Wiersinga W. M. (1997), "Graves' ophthalmopathy" *Thyroid International*, 3, pp.1-15.